

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TÂN UYÊN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 105/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19-12-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Ngọc Trung

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thanh Cần

2. Bà Huỳnh Anh Thư

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thuyền - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa:** Bà Bò Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 215/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Huỳnh Thanh T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Tổ A, khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. (có mặt)

**- Bị đơn:** Ông Võ Duy L, sinh năm 1988.

Địa chỉ: khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. (có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Nguyên đơn trình bày:**

Bà Nguyễn Huỳnh Thanh T và ông Võ Duy L tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 26, ngày 08/3/2017.

Trong quá trình chung sống, từ tháng 6/2019 đến nay hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi không thể giải quyết được. Nguyên nhân do

ông L thường có hành động và lời nói gây ảnh hưởng đến công việc của bà T, không có sự tôn trọng bà T và gia đình bên vợ. Giữa hai vợ chồng ngày càng căng thẳng, không thể chung sống. Khoảng hơn 02 năm nay hai vợ chồng đã không còn chung sống với nhau, bà T hiện ở tại phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, còn ông L thì ở nhà cha mẹ ông L tại phường Tân Phước Khánh, thị xã Tân Uyên. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không còn, không thể hàn gắn nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Võ Duy L.

Về con chung: Bà Nguyễn Huỳnh Thanh T và ông Võ Duy L có 02 con chung là Võ Nguyễn Phúc H, sinh ngày 21/7/2017 và Võ Nguyễn Phúc N, sinh ngày 05/12/2018. Bà Nguyễn Huỳnh Thanh T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là Võ Nguyễn Phúc N, đồng ý để ông Võ Duy L được trực tiếp nuôi con chung là Võ Nguyễn Phúc H, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Hiện bà T có công việc ổn định tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Bình Dương, thu nhập hàng tháng khoảng 20.000.000 đồng, có nơi ở ổn định nên có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con. Ông L không đủ điều kiện về tài chính, gia đình thì đang có người bệnh nên không đảm bảo điều kiện để nuôi cả hai con cùng lúc được. Trong thời gian từ khi kết hôn đến tháng 6/2022 thì hai con đều sống cùng bà T tại nhà ông bà ngoại tại phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một nên việc chăm sóc các con do bà ngoại lo, hai vợ chồng cùng thay nhau đưa đón con. Từ tháng 6/2022 đến nay thì mỗi tuần hai con về nhà ngoại ở với bà T 1 – 2 ngày, không hoàn toàn ở với bên nào. Do không muốn các con bị ảnh hưởng tâm lý nên mỗi ngày sáng hoặc chiều thì bà T đều đến trường để thăm, gặp hai con, nếu bé muốn về ngoại thì bà T đưa về và chăm lo cho hai con, nếu bé muốn về nội thì ông L đưa về.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn trình bày:*

Ông L thống nhất với lời trình bày của bà T về thời gian kết hôn, nơi kết hôn. Bà T làm việc tại ngân hàng nhưng thường xuyên đi sớm về khuya, có khi đi qua đêm mà không chăm lo cho con cái, gia đình. Do đó, khoảng hơn 02 năm nay thì ông L và bà T đã không còn chung sống với nhau, ông L ở tại phường Tân Phước Khánh, thị xã Tân Uyên, bà T thì ở phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một. Hai vợ chồng hoàn toàn không liên lạc, nói chuyện, quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Việc chăm lo con cái, gia đình chủ yếu do ông L thực hiện. Tuy nhiên, hiện nay ông L vẫn còn thương yêu bà T và mong muốn con cái có đầy đủ cha mẹ nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà Nguyễn Huỳnh Thanh T và ông Võ Duy L có 02 con chung là Võ Nguyễn Phúc H, sinh ngày 21/7/2017 và Võ Nguyễn Phúc N, sinh ngày 05/12/2018.

Trường hợp ly hôn thì ông Võ Duy L yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Khoảng 02 năm nay thì 02 con do ông L trực tiếp nuôi, đối với bà T hiện làm ngân hàng thường xuyên phải đi công tác dài ngày, thường xuyên đi qua đêm nên không đảm bảo điều kiện nuôi

con. Ông L hiện công tác tại Công an tỉnh Bình Dương, có thu nhập và nơi ở ổn định nên đảm bảo điều kiện nuôi con tốt hơn. Bà T cho rằng ông L không có sự tôn trọng bà T và gia đình bên vợ là không chính xác. Gia đình bên vợ thường xuyên so sánh ông L với người khác và nói ông L là làm không có tiền, không lo cho vợ con nên vợ phải đi làm đêm hôm nên hai bên thường xảy ra mâu thuẫn. Trước đây có thời gian ông L cùng ở với nhà ngoại do khi đó bà T còn ở với ông bà ngoại, ông L muốn các con được gặp mẹ nên tạo điều kiện để các con ở với mẹ. Sau khi bà T chuyển đi không ở chung với bà ngoại thì ông L đưa hai con về phường Tân Phước Khánh ở để tiện chăm sóc, giáo dục tốt hơn. Hiện nay, ông L có nhà ở ổn định, nhà rộng rãi, có sân vườn, hồ bơi nên đảm bảo điều kiện nuôi hai con tốt hơn. Hai con hoàn toàn ở với ông L và không ở với bà T, chỉ đôi khi bà T đón về chơi.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Huỳnh Thanh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đồng thời tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Võ Nguyễn Phúc H, sinh ngày 21/7/2017 số tiền 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Bị đơn ông Võ Duy L giữ nguyên quan điểm, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại theo các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Huỳnh Thanh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Võ Duy L và yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Tại thời điểm thụ lý vụ án, bị đơn ông Võ Duy L đang cư trú tại thị xã T, tỉnh Bình Dương. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 08/3/2017, bà Nguyễn Huỳnh Thanh T và ông Võ Duy L tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông L là hợp pháp

theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Quá trình chung sống, bà T xác định từ tháng 6/2019 đến nay hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi không thể giải quyết được. Nguyên nhân do ông L thường có hành động và lời nói gây ảnh hưởng đến công việc của bà T, không có sự tôn trọng bà T và gia đình bên vợ. Giữa hai vợ chồng ngày càng căng thẳng, không thể chung sống. Khoảng hơn 02 năm nay hai vợ chồng đã không còn chung sống với nhau. Ông L cũng thừa nhận giữa hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do gia đình bên bà T thường xuyên so sánh ông L với người khác và nói ông L là làm không có tiền, không lo cho vợ con nên vợ phải đi làm đêm hôm, bà T làm việc tại ngân hàng nhưng thường xuyên đi sớm về khuya, có khi đi qua đêm mà không chăm lo cho con cái, gia đình nên hai bên thường xảy ra mâu thuẫn. Khoảng hơn 02 năm nay thì ông L và bà T đã không còn chung sống với nhau, hai vợ chồng hoàn toàn không liên lạc, nói chuyện, quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, giữa bà T và ông L cũng không đưa ra được hành động hay cách thức nào để hàn gắn tình cảm, để gia đình đoàn tụ. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định, hôn nhân giữa bà T và ông L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà T và ông L có 02 con chung là Võ Nguyễn Phúc H, sinh ngày 21/7/2017 và Võ Nguyễn Phúc N, sinh ngày 05/12/2018. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là Võ Nguyễn Phúc N, đồng ý để ông L được trực tiếp nuôi con chung là Võ Nguyễn Phúc H. Ông L yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con. Xét thấy, hiện nay, bà T và ông L đều có công việc, thu nhập và nơi ở ổn định nên đều có đủ điều kiện để nuôi con. Ông L yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con chung nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc bà T không có đủ điều kiện nuôi con. Ngoài ra, cháu N là con gái và còn nhỏ nên cần có sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ, do đó, việc bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, bà T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là Võ Nguyễn Phúc H, sinh ngày 21/7/2017 số tiền 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Đối với con chung là Võ Nguyễn Phúc N, sinh ngày 05/12/2018, các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên là phù hợp.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Huỳnh Thanh T phải

nộp số tiền 600.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Huỳnh Thanh T về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với bị đơn ông Võ Duy L.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Huỳnh Thanh T được ly hôn với ông Võ Duy L.

1.2. Về con chung: Giao con chung là Võ Nguyễn Phúc N, sinh ngày 05/12/2018 cho bà Nguyễn Huỳnh Thanh T được quyền trực tiếp nuôi. Giao con chung là Võ Nguyễn Phúc H, sinh ngày 21/7/2017 cho ông Võ Duy L được quyền trực tiếp nuôi.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Huỳnh Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là Võ Nguyễn Phúc H, sinh ngày 21/7/2017 số tiền 3.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con bắt đầu từ ngày xét xử (19/12/2022) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Đối với con chung là Võ Nguyễn Phúc N, sinh ngày 05/12/2018, các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi đương sự có yêu cầu Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.4. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Huỳnh Thanh T phải nộp số tiền 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền

đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0006239 ngày 28/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên. Bà Nguyễn Huỳnh Thanh T phải tiếp tục nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- CCTHADS thị xã Tân Uyên;
- UBND phường T, thị xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Ngọc Trung**